Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NTM NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 02/11/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án *(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)*	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án *(Phòng Giao dịch số … hoặc NV2)*	Nhóm dự án *(A, B, C)*	Địa điểm đầu tư *(theo địa danh mới)*	Quy mô đầu tư *(cấp quy mô chính)*		Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư *(đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)* /Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư *(đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)*			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch vốn năm 2026 đã bố trí			Đề xuất điều chỉnh Kế hoạch vốn NS tỉnh quản lý năm 2026		Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh			Nguyên nhân điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh		Số quyết định (…/QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Số quyết định (…/QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
										Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn….						Vốn NSTW	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý			Vốn NSTW	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*		*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
	TỔNG SỐ									**7.769**	**8.021**	**7.621**							**3.029**	**3.029**		**2.481**		**5.510**	**3.029**	**2.481**			
	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG																												
1	Xây dựng mới tuyến Lung Mắm			C	Ấp Tân An	Dài 1.400m, rộng 1,5m	Dài 1.403m, rộng 1,5m	2026-2027	759/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	1.063	1.115	1.060				2026			400	400		660		1.060	400	660		Ban QLDA	
2	Xây dựng mới tuyến Xóm Vườn 1			C	Ấp Gành Hào	Dài 1.600m, rộng 1,5m	Dài 1.567m, rộng 1,5m	2026-2027	758/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	1.280	1.257	1.194				2026			500	500		694		1.194	500	694		Ban QLDA	
3	Xây dựng mới tuyến 6 Thìn - Kênh Cùng			C	Ấp Gành Hào	Dài 1.500m, rộng 1,5m	Dài 1.718m, rộng 1,5m	2026-2027	755/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	1.200	1.347	1.280				2026			500	500				500	500			Ban QLDA	
4	Xây dựng mới tuyến Nhà Máy - Rạch Ráng			C	Ấp Gành Hào-Tân Phong	Dài 1.900m, rộng 1,5m	Dài 2.406m, rộng 1,5m	2026-2027	752/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	1.756	1.906	1.810				2026			629	629		1.127		1.756	629	1.127		Ban QLDA	
5	Xây dựng mới tuyến Cây Tra			C	Ấp Tân Điền	Dài 1.400m, rộng 1,5m	Dài 1.450m, rộng 1,5m	2026-2027	754/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	1.125	1.110	1.055				2026			400	400				400	400			Ban QLDA	
6	Xây dựng mới tuyến Kênh Đứng			C	Ấp Tân Phú - Mỹ Tân	Dài 800m, rộng 1,5m	Dài 700m, rộng 1,5m	2026-2027	753/QĐ-UBND ngày 12/10/2026	545	534	507				2026			300	300				300	300			Ban QLDA	
7	Xây dựng mới tuyến Kênh Lá 2			C	Ấp Tân Phú - Mỹ Tân	Dài 1.000m, rộng 1,5m		2026-2027	756/QĐ-UBND ngày 12/10/2027	800	752	715				2026			300	300				300	300			Ban QLDA	